

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ HOÀNG

HUỶ PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 9 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS. TS. NGUYỄN NHƯ PHẤT**
2. PGS. TS. DƯƠNG QUỲNH HOA

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
Hợp tại: Học viện Khoa học xã hội, số 477 Nguyễn Trãi, Thanh
Liệt, Hà Nội

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:
- Thư viện Quốc gia Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh hội nhập, TTTM ngày càng được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam nhờ tính linh hoạt và hiệu quả. Số lượng vụ việc tăng mạnh tại VIAC từ 180 vụ năm 2018 lên 478 vụ năm 2024 cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của trọng tài trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, đặc biệt trong các lĩnh vực như mua bán hàng hóa, xây dựng và bất động sản.

Tuy nhiên, tỷ lệ hủy PQTT và từ chối công nhận, thi hành còn cao so với thông lệ quốc tế. Giai đoạn 2003–2015, có tới 41,4% PQTT của VIAC bị hủy; với phán quyết nước ngoài, gần 50% yêu cầu công nhận bị từ chối. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin của nhà đầu tư và môi trường pháp lý.

Mặc dù pháp luật Việt Nam đã tiếp cận các chuẩn mực quốc tế như Luật Mẫu UNCITRAL và Công ước New York 1958, thực tiễn cho thấy tòa án đôi khi mở rộng căn cứ hủy, thậm chí xem xét lại nội dung tranh chấp. Vì vậy, cần nghiên cứu và hoàn thiện cơ chế hủy PQTT theo hướng thu hẹp căn cứ, bảo đảm tính chung thẩm.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Làm rõ cơ sở lý luận về hủy PQTT bao gồm khái niệm, căn cứ, bản chất pháp lý và vai trò của cơ chế này trong hệ thống trọng tài, đồng thời phân tích mối quan hệ giữa quyền tự định đoạt của các bên và quyền kiểm soát của TA. Trên cơ sở đó, luận án đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về hủy PQTT theo Luật TTTM và các văn bản liên quan, thông qua phân tích các vụ việc để chỉ ra những bất cập như việc áp dụng căn cứ hủy còn quá rộng, nhận thức chưa thống nhất và sự can thiệp sâu của tòa án vào nội dung tranh chấp.

So sánh với Luật Mẫu UNCITRAL và kinh nghiệm của một số quốc gia có hệ thống trọng tài phát triển nhằm làm rõ điểm tương đồng và khác biệt. Từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật theo hướng thu hẹp căn cứ hủy, bảo đảm tính độc lập của trọng tài, hạn chế sự can thiệp không cần thiết của tòa án, đồng thời nâng cao năng lực cơ quan tư pháp và hiệu quả thi hành phán quyết.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Gồm các vấn đề lý luận và thực tiễn về hủy PQTT theo pháp luật Việt Nam, tập trung vào quy định của Luật TTTM, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, văn bản hướng dẫn và thực tiễn xét xử của tòa án. Nội dung làm rõ nguyên tắc pháp lý như tôn trọng quyền tự định đoạt, hạn chế can thiệp của tòa án và bảo đảm tính chung thẩm của PQTT.

Phạm vi nghiên cứu chủ yếu trong nước, so sánh với pháp luật quốc tế và một số quốc gia; thời gian từ khi Luật TTTM có hiệu lực đến nay, dựa trên dữ liệu thực tiễn và tài liệu khoa học liên quan.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án được xây dựng trên phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác–Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế và cải cách tư pháp. Nghiên cứu tiếp cận vấn đề hủy phán quyết TTTM trong mối quan hệ giữa quyền tự định đoạt của các bên, vai trò kiểm soát hợp lý của tòa án và yêu cầu bảo đảm hiệu quả, công bằng của cơ chế trọng tài, đồng thời nhấn mạnh việc tôn trọng tính độc lập của trọng tài đi đôi với cơ chế giám sát phù hợp.

Về phương pháp nghiên cứu, luận án sử dụng kết hợp các phương pháp: phân tích – tổng hợp, logic – quy nạp, thống kê và khảo cứu thực tiễn, so sánh pháp luật và lịch sử – pháp lý, nhằm làm rõ lý luận, đánh giá thực tiễn và đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Luận án cung cấp góc nhìn toàn diện, khách quan về thực trạng pháp luật và thực tiễn hủy PQT tại Việt Nam, giúp nhận diện những hạn chế, vướng mắc. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật theo hướng thu hẹp sự can thiệp của tòa án, bảo đảm tính độc lập và chung thẩm của trọng tài.

Luận án góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận, là tài liệu tham khảo hữu ích cho nghiên cứu, giảng dạy và thực tiễn, hỗ trợ doanh nghiệp hiểu và tin tưởng cơ chế trọng tài, cũng như thúc đẩy hội nhập pháp luật Việt Nam với thông lệ quốc tế.

6. Cấu trúc của Luận án

Gồm 4 chương chính:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết về hủy phán quyết trọng tài thương mại

Chương 2: Cơ sở lý luận về hủy phán quyết trọng tài thương mại

Chương 3: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật về hủy phán quyết trọng tài thương mại ở Việt Nam

Chương 4: Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hủy phán quyết trọng tài thương mại

Kết luận

Danh mục các bài báo liên quan đến luận án

Danh mục tài liệu tham khảo

Phụ lục

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ HUỖ PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu về huỷ phán quyết trọng tài thương mại

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về trọng tài thương mại nói chung

Luận án phân tích các công trình nghiên cứu về TTTM theo ba nhóm lớn: Nghiên cứu quốc tế kinh điển, đặt nền móng cho học thuyết trọng tài; Nghiên cứu theo hướng chính sách, kinh tế, so sánh pháp luật xuất hiện mạnh từ cuối thế kỷ 20; Nghiên cứu tại Việt Nam xuất hiện từ khi Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003 ra đời và phát triển mạnh mẽ từ 2010 sau khi Luật TTTM được ban hành.

Một số công trình nghiên cứu quốc tế đặt nền tảng lý luận quan trọng cho trọng tài thương mại như bộ sách “Trọng tài thương mại quốc tế” của Gary B. Born – công trình toàn diện về thỏa thuận trọng tài, thủ tục, phán quyết và cơ chế kiểm soát tư pháp, nhấn mạnh trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp tư, công bằng và ràng buộc.

“Chuyên khảo của tác giả Fouchard, Gaillard, Goldman về trọng tài thương mại quốc tế” cũng là tài liệu nền tảng, khẳng định trọng tài dựa trên thỏa thuận, mang tính không công khai và phán quyết có hiệu lực chung thẩm.

Sách “Pháp luật và thực tiễn về trọng tài thương mại quốc tế” của tác giả Redfern & Hunter trình bày toàn diện quy trình và đặc điểm của trọng tài như tính linh hoạt, chuyên môn hóa.

Các nghiên cứu của tác giả Christopher Drahozal tiếp cận dưới góc độ kinh tế, cho rằng trọng tài là thiết chế tư nhân hiệu quả, giúp tối ưu chi phí và rủi ro.

Tại Việt Nam, giai đoạn từ 2003-2010, nghiên cứu về TTTM thường tập trung vào vấn đề hoàn thiện pháp luật và hội nhập quốc tế. Luận án của Nguyễn Đình Thor (2007) phân tích lý luận TTTM, thực trạng pháp luật, so sánh với chuẩn mực quốc tế và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả trọng tài. Luận án của Trần Minh Ngọc (2009) nhấn mạnh cần hoàn thiện khung pháp luật trọng tài quốc tế để đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.

Sau khi Luật TTTM 2010 có hiệu lực, các nghiên cứu đa dạng hơn từ hiệu lực thỏa thuận trọng tài, thủ tục tố tụng, hủy/thi hành phán quyết, vai trò trọng tài viên đến trọng tài quốc tế. Các sách chuyên khảo của Đỗ Văn Đại, Trần Hoàng Hải, Nguyễn Ngọc Lâm, Tưởng Duy Lượng, Dương Văn Hậu, Trần Việt Dũng & Ngô Quốc Chiến phân tích chi tiết quy định pháp luật, thực tiễn xét xử, so sánh với luật quốc tế và đề xuất cải thiện. Nhiều

bài báo và tham luận hội thảo chỉ ra hạn chế về TTTM đồng thời đề xuất hoàn thiện pháp luật, nâng cao minh bạch, trách nhiệm giải trình và thi hành phán quyết. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu từ 2003 đến nay tạo nền tảng lý luận và thực tiễn, góp phần phát triển TTTM Việt Nam hiệu quả và hội nhập quốc tế.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về huỷ phán quyết trọng tài thương mại

Các nghiên cứu trên thế giới về huỷ phán quyết TTTM có thể kể đến như:

- Nghiên cứu *“Thi hành các phán quyết trọng tài bị huỷ hoặc vô hiệu tại nơi tiến hành trọng tài”* trong cuốn *“Tuyển tập Cambridge về Trọng tài Thương mại và Đầu tư Quốc tế”* của các tác giả Linda J. Silberman & Robert U. Hess. Nghiên cứu này đã khảo sát cách các TA ở nhiều nước xử lý PQT quốc tế đã bị huỷ tại nơi thực hiện thủ tục trọng tài. Tác giả đối chiếu hai “cực” trong thực tế: (1) các TA ở nước thi hành bỏ qua việc huỷ PQT, tiếp tục công nhận và cho thi hành, và (2) cho rằng quyết định huỷ có hiệu lực chấm dứt quyền thi hành ở nơi khác. Từ đó cung cấp bản tóm lược so sánh luật và thực tiễn ở nhiều hệ thống pháp luật, hữu ích cho nghiên cứu về thi hành PQT sau khi bị huỷ.

- Nghiên cứu *“Huỷ phán quyết trọng tài thương mại quốc tế”* của tác giả Vladimir Pavić là một chương nằm trong cuốn *“Trọng tài Đầu tư và Thương mại – Những điểm tương đồng và khác biệt”*. Phân tích khái quát cơ chế huỷ PQT trong TTTM quốc tế, đặc biệt dựa vào Luật Mẫu UNCITRAL. Tác giả đưa ra bình luận về việc liệu có thể “nhập” các biện pháp khắc phục vốn áp dụng đối với phán quyết TA vào trường hợp huỷ PQT sau khi đã xử lý xong các thủ tục huỷ. Tác giả cũng phân tích về việc xem xét mối quan hệ giữa Luật Mẫu UNCITRAL và thực tiễn quốc gia và nghiên cứu sâu về các căn cứ huỷ PQT (do vi phạm thẩm quyền, do thủ tục không đúng, do vi phạm “trật tự công” v.v.).

- Một nghiên cứu phân tích vấn đề thực tiễn và pháp lý liên quan đến một phán quyết bị huỷ từ góc nhìn doanh nghiệp, xem rủi ro thi hành ảnh hưởng thế nào đến quyền lợi và chiến lược của các công ty, và đánh giá một số đề xuất sửa đổi Công ước New York đó là công trình *“Thi hành các phán quyết trọng tài bị huỷ: Góc nhìn của doanh nghiệp và đánh giá về Công ước New York ‘mới’”* của tác giả Robert C. Bird. Phân tích xung đột giữa hai nguyên tắc lớn; (1) tôn trọng quyết định huỷ của tòa tại chỗ và (2) một số quyền lực thi hành ở nước khác không bắt buộc phải chấp nhận việc huỷ. Kết quả là TA ở các nước khác nhau có cách áp dụng khác nhau, gây bất định pháp lý lớn cho bên thắng khi muốn thi hành phán quyết ở nước thứ ba. Đây chính là rủi ro lớn của doanh nghiệp khi không thể thu hồi tài sản dù thắng kiện nhưng bên thua vẫn cố gắng kháng cáo ở nước khác,

trong khi chi phí và thời gian kéo dài do tranh tụng song song ở nhiều hệ thống TA.

Các nghiên cứu về hủy phán quyết TTTM tại Việt Nam có thể kể đến như:

- Luận án tiến sĩ Luật học “*Hủy phán quyết trọng tài*” của tác giả Phan Thông Anh. Tác giả đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về hủy phán quyết tại Việt Nam, nghiên cứu vấn đề áp dụng điều kiện hủy, trình tự thủ tục, thực hành của tòa án và trung tâm trọng tài. Từ đó nhận diện các bất cập như phạm vi căn cứ hủy và khó khăn trong việc áp dụng các quy định hiện hành và kiến nghị hoàn thiện, đề xuất sửa đổi làm rõ căn cứ hủy, quy định trình tự thủ tục, tăng cường hướng dẫn áp dụng.

- Các nghiên cứu “*Hủy phán quyết trọng tài: Thực trạng và kiến nghị*”, “*Hủy phán quyết trọng tài ở Việt Nam: bất cập và hướng hoàn thiện*”, “*Pháp luật Trọng tài Thương mại Việt Nam - Bản án và Bình luận bản án*” của Đỗ Văn Đại có phân tích chi tiết từng căn cứ hủy PQTT theo Điều 68 Luật TTTM, ông cho rằng tòa án có xu hướng sử dụng căn cứ này quá rộng, mang tính tùy nghi, vì vậy cần giới hạn căn cứ này tương đương khái niệm “public policy” quốc tế, chỉ áp dụng trong trường hợp vi phạm rõ ràng, nghiêm trọng. Bên cạnh các phân tích về căn cứ hủy, tác giả đã chỉ ra tỷ lệ yêu cầu hủy phán quyết tại Việt Nam tương đối cao so với chuẩn quốc tế, một số quyết định hủy của TA không thống nhất, thậm chí áp dụng pháp luật sai mục đích, xu hướng hủy vì các lý do mang tính hình thức, không ảnh hưởng đến bản chất tranh chấp. Trong một số bài viết và báo cáo hội thảo, tác giả so sánh cách tiếp cận của các nước như: Singapore, Hồng Kông, Pháp, Thụy Sĩ với Luật Mẫu UNCITRAL và đưa ra nhận định các nước có môi trường trọng tài phát triển đều áp dụng triết lý “*tòa án chỉ hủy khi vi phạm nghiêm trọng*”. Do đó, Việt Nam cần giảm tình trạng “can thiệp quá mức” của TA.

- Một số nghiên cứu của trọng tài viên Nguyễn Mạnh Dũng về hủy PQTT thương mại có thể kể đến như “*Hủy phán quyết & Công nhận, cho thi hành phán quyết*”, bài tọa đàm chuyên đề về những bất cập trong thực tiễn áp dụng Luật TTTM. Nghiên cứu “*Kinh nghiệm và thực tiễn quốc tế về hủy phán quyết trọng tài*”, nội dung tổng hợp kinh nghiệm quốc tế và đề xuất giải pháp giảm thiểu trường hợp hủy ở Việt Nam.

Ngoài các nghiên cứu kể trên, ở Việt Nam còn có nhiều nghiên cứu khác liên quan đến hủy phán quyết TTTM như các luận văn, đồ án tốt nghiệp, bài báo khoa học, tham luận hội thảo v.v. Nội dung chính thường đề cập đến các vấn đề: khung pháp lý và căn cứ hủy theo Luật TTTM; giải thích cụm từ “trái nguyên tắc cơ bản pháp luật Việt Nam”; nguyên nhân thực tiễn như lỗi thủ tục, xung đột lợi ích; cân bằng tính cuối cùng của PQTT và kiểm soát tư pháp; phân tích xu hướng án lệ và thực tiễn xét xử;

kiến nghị hoàn thiện pháp luật; thiếu nghiên cứu định lượng; đối chiếu pháp luật quốc tế để gợi ý cải thiện pháp luật Việt Nam.

1.1.3. Nhận xét tổng quan về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Những vấn đề đã được giải quyết trong các công trình nghiên cứu trước mà luận án kế thừa và tiếp tục phát triển:

Các nhà nghiên cứu đi trước đã có những công trình chuyên sâu, bài bản, luận giải được nhiều vấn đề cơ bản như làm rõ cơ sở lý luận, khái niệm và bản chất hủy PQTT, so sánh với pháp luật quốc tế để đề xuất hoàn thiện luật Việt Nam.

Về căn cứ hủy, các công trình phân tích Điều 68 Luật TTTM, đặc biệt vấn đề “trái với nguyên tắc cơ bản pháp luật Việt Nam”, còn mơ hồ và gây khó khăn trong thực tiễn. Thủ tục hủy PQTT được nghiên cứu, phân biệt nghĩa vụ chứng minh giữa bên yêu cầu và tòa án. Hạn chế pháp luật Việt Nam là không cho phép hủy một phần phán quyết, gây lãng phí và giảm niềm tin.

Hậu quả pháp lý khi hủy PQTT, vướng mắc về thỏa thuận trọng tài, hướng dẫn Nghị quyết 01/2014 chưa chi tiết cũng được phân tích. Các nghiên cứu chỉ ra khó khăn thực tiễn, bắt cập và đề xuất hoàn thiện pháp luật, bảo đảm cân bằng giữa tính cuối cùng của PQTT và kiểm soát tư pháp.

Các vấn đề còn bỏ ngỏ hoặc chưa được giải quyết thấu đáo và cần được tiếp tục nghiên cứu:

Luận án cần phân tích rõ khái niệm và bản chất hủy PQTT để phân biệt với cơ chế không công nhận và thi hành, làm rõ mục tiêu, thời điểm và hậu quả pháp lý.

Cần nghiên cứu cơ chế can thiệp tối thiểu của tòa án, phân loại và so sánh căn cứ hủy, đặc biệt căn cứ “trái nguyên tắc cơ bản pháp luật Việt Nam”.

Các quy định về “người thứ ba”, hủy một phần phán quyết, thực tiễn xét xử, dữ liệu án lệ và so sánh pháp luật quốc tế chưa được nghiên cứu định lượng và hệ thống. Những vấn đề này là nhiệm vụ mà luận án tiếp tục làm rõ và đề xuất giải pháp.

1.2. Cơ sở lý thuyết và hướng tiếp cận của luận án

Luận án dựa trên các lý thuyết pháp lý để xác định hướng nghiên cứu và cách tiếp cận giải quyết hủy phán quyết TTTM. Nguyên tắc tự do thỏa thuận làm nền tảng cho quyền chọn thủ tục, trọng tài viên, luật áp dụng, đồng thời giới hạn bởi trật tự công, các quy định bắt buộc và bảo vệ bên yếu thế. Nguyên tắc xét xử một lần xác định giới hạn can thiệp của tòa án, bảo đảm PQTT có hiệu lực chung thẩm. Kiểm soát quyền lực

tư pháp giải thích vai trò giám sát, hạn chế lạm quyền, bảo vệ lợi ích công và trật tự công. So sánh pháp luật giúp đối chiếu căn cứ hủy Việt Nam với Luật Mẫu UNCITRAL, Công ước New York và pháp luật các quốc gia để đề xuất cải cách phù hợp. Phân tích kinh tế-thể chế đánh giá tác động hủy PQTT đến chi phí giao dịch và môi trường đầu tư. Học thuyết Mác-Lênin về Nhà nước và pháp luật cung cấp cơ sở lý luận cho vai trò nhà nước, cân bằng giữa can thiệp tòa án và cơ chế trọng tài thương mại quốc tế, hướng đến hài hòa hóa pháp luật Việt Nam với tiêu chuẩn quốc tế.

Luận án nghiên cứu hủy phán quyết trọng tài thương mại tại Việt Nam qua ba hướng: phân tích pháp lý – lý thuyết, so sánh quốc tế và thực tiễn. Câu hỏi nghiên cứu tập trung vào quy định pháp luật, phạm vi can thiệp của tòa án, thực tiễn xét xử, sự khác biệt với luật quốc tế và bất cập cần hoàn thiện. Giả thuyết cho rằng nếu pháp luật Việt Nam chặt chẽ, phù hợp chuẩn mực quốc tế và tôn trọng nguyên tắc can thiệp tối thiểu, PQTT sẽ minh bạch, công bằng, ổn định, tăng hiệu quả trọng tài.

Tiểu kết chương 1

Luận án đánh giá tính cấp thiết của việc hoàn thiện pháp luật về hủy PQTT, làm rõ hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Nghiên cứu tổng quan các công trình trước cho thấy những nỗ lực nhất định của các nhà nghiên cứu, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề bỏ ngỏ, chưa được cập nhật đầy đủ. Luận án tập trung nghiên cứu toàn diện, cập nhật thông tin mới, kết hợp cơ sở lý thuyết, phương pháp pháp lý và thực tiễn để đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hủy PQTT, bảo đảm tính minh bạch, ổn định và phù hợp với xu hướng quốc tế.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

2.1 Khái niệm và bản chất pháp lý của PQTT

2.1.1. Khái niệm phán quyết trọng tài thương mại

Là quyết định cuối cùng của hội đồng trọng tài, vừa giải quyết toàn bộ nội dung tranh chấp, vừa chấm dứt tố tụng trọng tài. Chỉ những quyết định đáp ứng đồng thời hai yếu tố này mới được coi là PQTT, phân biệt với các quyết định tạm thời, trung gian như quyết định về thẩm quyền hay biện pháp khẩn cấp. PQTT có giá trị chung thẩm, ràng buộc pháp lý bắt buộc các bên và là cơ sở để công nhận, thi hành theo pháp luật. Việc định nghĩa PQTT nêu rõ phạm vi nội dung điều chỉnh, tính cuối cùng và hiệu lực ràng buộc, đồng thời nhấn mạnh sự tự chủ, độc lập của trọng tài. Hệ quả pháp lý

là tòa án chỉ can thiệp trong phạm vi hủy PQTT, không xét lại nội dung vụ tranh chấp. Cách tiếp cận này bảo đảm ổn định, minh bạch và nhất quán của cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại tại Việt Nam.

2.1.2. Bản chất pháp lý của phán quyết trọng tài

PQTT là quyết định cuối cùng của hội đồng trọng tài, giải quyết toàn bộ nội dung tranh chấp được nêu trong đơn khởi kiện và đơn kiện lại, đồng thời chấm dứt tố tụng trọng tài. PQTT có giá trị chung thẩm, bắt buộc các bên thi hành và không bị kháng cáo, kháng nghị. Nội dung PQTT gồm thông tin nhận diện vụ tranh chấp, thông tin các bên, tóm tắt tranh chấp, nhận định của hội đồng trọng tài, quyết định cụ thể, thời hạn và phương thức thi hành, cùng chữ ký trọng tài viên. PQTT có thể ban hành ngay cả khi một bên không tham dự, nhưng phải bảo đảm thủ tục tố tụng đúng quy định để tránh rủi ro bị hủy.

PQTT trong nước được điều chỉnh trực tiếp bởi Luật TTTM và Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, có hiệu lực thi hành ngay trên lãnh thổ Việt Nam, chỉ bị hủy trong các trường hợp hạn chế. PQTT nước ngoài cần được tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành theo Công ước New York 1958 và pháp luật nội địa, với sự kiểm tra tính hợp pháp và bảo vệ trật tự công. Thời hạn thi hành PQTT theo Luật Thi hành án dân sự là 5 năm, kể từ ngày ban hành, và có thể cưỡng chế nếu bên phải thi hành không tự nguyện. Hiệu lực PQTT phản ánh tính nhanh chóng, ổn định và quyền tự định đoạt của các bên trong cơ chế TTTM.

2.2. Khái niệm và bản chất pháp lý của hủy PQTT

2.2.1. Khái niệm hủy phán quyết trọng tài

Là quyết định của tòa án tuyên PQTT không còn hiệu lực pháp lý dựa trên các căn cứ luật định, không đồng nghĩa với xét lại nội dung tranh chấp. Tòa án chỉ can thiệp kiểm soát tối thiểu để bảo đảm thủ tục trọng tài hợp pháp, quyền tố tụng của các bên được tôn trọng và PQTT không vi phạm trật tự công. Cơ chế này tôn trọng tính chung thẩm, độc lập và tự chủ của trọng tài, phù hợp thông lệ quốc tế và Công ước New York 1958, đồng thời bảo vệ giá trị pháp lý nền tảng của hệ thống luật Việt Nam.

2.2.2. Bản chất pháp lý của hủy phán quyết trọng tài

Là cơ chế giám sát tư pháp đặc biệt, không phải là cấp xét xử hay thủ tục xem lại nội dung tranh chấp. Mục đích là bảo đảm quá trình tố tụng trọng tài hợp pháp, tập trung vào thẩm quyền, thủ tục tố tụng, thành phần hội đồng trọng tài và nguyên tắc cơ bản của pháp luật, không đánh giá lại chứng cứ hay áp dụng pháp luật nội dung. Việt Nam áp dụng mô hình thân thiện với trọng tài, giới hạn can thiệp của tòa án, tương đồng với Luật mẫu UNCITRAL, và một số quốc gia khác như Singapore, Anh, Pháp v.v. Thực tiễn xét xử nhấn mạnh tính nghiêm trọng và hệ quả của vi phạm; chỉ những

vi phạm ảnh hưởng quyền cơ bản của các bên mới đủ căn cứ huỷ PQTT. Cách tiếp cận này bảo đảm tính chung thẩm của PQ, duy trì hiệu quả trọng tài và hài hòa giữa quyền tài phán tư của trọng tài và quyền tài phán công của Nhà nước.

2.2.3. Nội dung pháp luật về huỷ phán quyết trọng tài

Là cơ chế kiểm soát tư pháp đặc biệt, nhằm bảo đảm tính hợp pháp, công bằng và tuân thủ nguyên tắc cơ bản của trật tự pháp lý quốc gia, đồng thời tôn trọng tính chung thẩm và độc lập của trọng tài. Nội dung pháp luật về huỷ PQTT gồm bốn nhóm chính: quyền yêu cầu huỷ, căn cứ huỷ, trình tự thủ tục, và hậu quả pháp lý. Quyền yêu cầu huỷ thuộc các bên trong tranh chấp phải thực hiện trong thời hạn xác định, phản ánh cân bằng giữa quyền tiếp cận công lý và bảo đảm hiệu lực chung thẩm của PQ. Căn cứ huỷ giới hạn vào vi phạm nghiêm trọng về thẩm quyền, thủ tục, thành phần hội đồng trọng tài hoặc xâm phạm trật tự công, không xem xét nội dung hay chứng cứ. Trình tự thủ tục huỷ được thiết kế rút gọn, tập trung vào giám sát hình thức và thẩm quyền, không mang tính xét xử lại tranh chấp, phù hợp với Luật Mẫu UNCITRAL. Hậu quả pháp lý chủ yếu là PQ mất hiệu lực, nhưng tranh chấp vẫn có thể giải quyết lại nếu thỏa thuận trọng tài còn hiệu lực. Việt Nam và thực tiễn quốc tế đều nhấn mạnh rằng huỷ PQTT là biện pháp khắc phục nhằm bảo vệ trật tự pháp lý, không phủ nhận vai trò và giá trị chung thẩm của trọng tài, đảm bảo cân bằng giữa giám sát tư pháp và hiệu quả giải quyết tranh chấp.

Tiểu kết chương 2

Luận án hệ thống hóa chế định huỷ PQTT làm nền tảng lý luận cho toàn bộ nghiên cứu. Làm rõ PQ không chỉ là kết quả cuối cùng của trọng tài, mà còn phản ánh nguyên tắc tự do thỏa thuận, quyền tự định đoạt của các bên và tính chung thẩm của phương thức trọng tài. Cơ chế huỷ PQ không phủ nhận trọng tài mà bảo đảm phán quyết được ban hành đúng pháp luật, loại bỏ những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục, quyền tham gia tố tụng và trật tự công, đồng thời cấm can thiệp vào nội dung tranh chấp. Nghiên cứu các nguyên tắc quốc tế cho thấy sự hình thành “chuẩn mực chung” về tôn trọng tính chung thẩm, giới hạn phạm vi xem xét của tòa án và can thiệp tối thiểu.

Tại Việt Nam, pháp luật huỷ PQTT đã tiến gần chuẩn mực UNCITRAL, thu hẹp phạm vi can thiệp của TA, nhấn mạnh vai trò giám sát pháp lý thay vì xét xử lại tranh chấp. Chương 2 cung cấp cơ sở lý luận để phân tích thực tiễn và đề xuất hoàn thiện pháp luật huỷ PQTT thương mại, đánh giá mức độ phù hợp của pháp luật Việt Nam với chuẩn mực quốc tế.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ HỦY PHÁN QUYẾT TRONG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

3.1 Thực trạng các quy định pháp luật về hủy phán quyết trọng tài thương mại ở Việt Nam

3.1.1. Quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài thương mại

Theo Luật TTTM là quyền tố tụng đặc thù, cho phép một bên tranh chấp đề nghị TA kiểm tra tính hợp pháp của PQ dựa trên các căn cứ hạn chế, không nhằm xét lại nội dung tranh chấp. Quyền này cân bằng giữa tôn trọng tính chung thẩm, độc lập của trọng tài và vai trò giám sát tối thiểu của TA. Chủ thể quyền hủy cơ bản chỉ là các bên tranh chấp, tương đồng với Luật mẫu UNCITRAL, nhưng pháp luật Việt Nam chưa quy định rõ trường hợp bên có quyền lợi liên quan trực tiếp. Quyền phản đối phải thực hiện đúng thời hạn; nếu không, bên đó mất quyền khiếu nại và yêu cầu hủy. Phạm vi hủy PQ giới hạn vào các căn cứ như thỏa thuận trọng tài vô hiệu, vi phạm thủ tục, vượt thẩm quyền, chứng cứ giả mạo, hành vi hối lộ, hoặc vi phạm nguyên tắc pháp luật cơ bản. Thời hạn nộp đơn hủy là 30 ngày từ ngày nhận PQ, phản ánh mục tiêu bảo đảm ổn định, nhanh chóng, chung thẩm của trọng tài. Quyền hủy chỉ áp dụng trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng, nhằm ngăn lạm dụng cơ chế và củng cố vị thế trọng tài như phương thức giải quyết tranh chấp độc lập. Tuy phù hợp thông lệ quốc tế, pháp luật hiện còn hạn chế về giải thích căn cứ hủy, thời hạn ngắn và thiếu quy định mối quan hệ với thi hành PQTT, cần hoàn thiện.

3.1.2. Căn cứ hủy phán quyết trọng tài thương mại theo pháp luật Việt Nam

Là các điều kiện pháp lý cho phép Tòa án tuyên hủy phán quyết đã ban hành, nhằm cân bằng giữa việc tôn trọng tính chung thẩm, tự chủ của trọng tài và bảo vệ trật tự pháp lý, quyền lợi các bên. Theo Luật TTTM, các căn cứ này được quy định tại khoản 2 Điều 68, gồm hai nhóm: căn cứ do bên yêu cầu hủy phải chứng minh và căn cứ do Tòa án tự xem xét, tiếp thu từ chuẩn mực quốc tế như Luật mẫu UNCITRAL.

Nhóm căn cứ do bên yêu cầu chứng minh gồm: (i) không có hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu – đây là nền tảng xác lập thẩm quyền trọng tài nhưng thực tiễn còn vướng mắc do thiếu tiêu chí rõ ràng, đặc biệt trong giao dịch điện tử và điều kiện giao dịch chung; (ii) thành phần hội đồng trọng tài hoặc thủ tục tố tụng không phù hợp – tuy luật yêu cầu vi phạm phải nghiêm trọng, thực tế vẫn tồn tại xu hướng “hình thức hóa”, hủy phán quyết vì lỗi kỹ thuật; (iii) tranh chấp vượt quá thẩm quyền – Tòa án có thể hủy toàn bộ

hoặc một phần, nhưng pháp luật Việt Nam vẫn giới hạn thẩm quyền trọng tài theo hướng “chọn – cho”; (iv) chứng cứ giả mạo hoặc trọng tài viên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ – căn cứ này khó chứng minh và dễ gây tranh cãi về mức độ can thiệp của Tòa án. Ngoài ra còn có căn cứ về năng lực hành vi của các bên.

Nhóm căn cứ do Tòa án tự xem xét gồm: (i) tranh chấp không thuộc thẩm quyền trọng tài – thể hiện giới hạn khách quan của cơ chế trọng tài; (ii) phán quyết trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam – tương đương “trật tự công cộng”, nhưng còn thiếu tiêu chí rõ ràng, dễ bị áp dụng mở rộng.

Nhìn chung, các căn cứ huỷ của Việt Nam tương thích quốc tế, song hạn chế lớn nằm ở cách áp dụng thiếu thống nhất, làm gia tăng nguy cơ can thiệp tư pháp và ảnh hưởng đến tính chung thẩm của trọng tài.

3.1.3. Trình tự, thủ tục huỷ phán quyết trọng tài thương mại

Được quy định chủ yếu trong Luật TTTM và Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, thể hiện sự cân bằng giữa tính chung thẩm của trọng tài và sự kiểm soát cần thiết của TA.

Về thẩm quyền, TA nhân dân cấp tỉnh nơi Hội đồng trọng tài ra phán quyết hoặc theo thoả thuận của các bên có thẩm quyền giải quyết yêu cầu huỷ PQTT. Đây là thẩm quyền mang tính giám sát hợp pháp, không phải xét xử lại tranh chấp. TA chỉ kiểm tra tính hợp pháp của phán quyết trên các căn cứ hạn chế, không đánh giá lại nội dung, chứng cứ hay lập luận của Hội đồng trọng tài, phù hợp với thông lệ quốc tế và Luật mẫu UNCITRAL.

Về thủ tục, trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận PQTT, các bên có quyền nộp đơn yêu cầu huỷ. Thời hạn này nhằm bảo đảm tính ổn định và hiệu lực của phán quyết, đồng thời hạn chế việc lạm dụng thủ tục để kéo dài tranh chấp. Sau khi thụ lý, TA xét đơn theo thủ tục đặc biệt với Hội đồng gồm ba thẩm phán, không có hội thẩm nhân dân, nhấn mạnh tính chuyên môn của hoạt động này.

Nguyên tắc cốt lõi là TA không xét lại nội dung tranh chấp mà chỉ xem xét các vi phạm thủ tục, thẩm quyền hoặc nguyên tắc pháp lý cơ bản theo Điều 68 LTTTM. Kết quả, TA có thể ra một trong ba quyết định: không huỷ, huỷ toàn bộ hoặc huỷ một phần PQTT; quyết định này là chung thẩm, không bị kháng cáo.

Trong quá trình giải quyết, LTTTM giữ vai trò luật chuyên ngành, còn Bộ luật Tố tụng dân sự được áp dụng bổ trợ đối với các vấn đề chưa được quy định cụ thể, nhưng không được làm ảnh hưởng đến các nguyên tắc đặc thù của trọng tài. Cơ chế này góp phần bảo đảm hiệu quả, tính ổn định và tính dự đoán của hoạt động trọng tài thương mại.

3.1.4. Hậu quả pháp lý của việc hủy phán quyết trọng tài thương mại

Không chỉ làm chấm dứt hiệu lực của phán quyết mà còn kéo theo nhiều hệ quả pháp lý quan trọng đối với quyền, lợi ích của các bên và tính ổn định của cơ chế trọng tài. Khi PQTT bị hủy, phán quyết mất hiệu lực thi hành; các quyết định thi hành liên quan phải đình chỉ hoặc hủy bỏ. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định rõ thời điểm chấm dứt hiệu lực cũng như cách xử lý các hậu quả đã phát sinh (như hoàn trả tài sản), dẫn đến cách áp dụng chưa thống nhất.

Sau khi PQTT bị hủy, các bên có thể khởi kiện lại. Nếu việc hủy do vi phạm thủ tục, các bên vẫn có thể quay lại trọng tài khi thoả thuận còn hiệu lực; ngược lại, nếu không có thoả thuận trọng tài hợp pháp, tranh chấp sẽ thuộc thẩm quyền của TA. Dù vậy, pháp luật chưa quy định rõ về thời hiệu và thủ tục khởi kiện lại.

Pháp luật Việt Nam có ưu điểm là tiệm cận chuẩn mực quốc tế, giới hạn căn cứ hủy và bảo vệ tính chung thẩm của trọng tài. Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế như quy định còn khái quát, thiếu hướng dẫn cụ thể và chưa làm rõ mối quan hệ với Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện để bảo đảm tính minh bạch, thống nhất và nâng cao hiệu quả của trọng tài thương mại.

3.2. Thực tiễn thực thi pháp luật về hủy phán quyết trọng tài thương mại ở Việt Nam

3.2.1. Khái quát tình hình giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của toà án Việt Nam

Trong giai đoạn 2003–2025, thực tiễn yêu cầu và giải quyết hủy PQTT tại Việt Nam cho thấy sự chuyển biến rõ rệt cả về số lượng, tỷ lệ hủy và cách tiếp cận của TA.

Ở giai đoạn 2003–2014, số lượng yêu cầu hủy và tỷ lệ hủy ở mức tương đối cao. Tại VIAC, có 46 PQTT bị yêu cầu hủy, trong đó 19 phán quyết bị hủy (khoảng 41,4%). Đây là tỷ lệ cao so với thông lệ quốc tế (thường dưới 10%). Thực trạng này phản ánh giai đoạn “quá độ” của TTTM tại Việt Nam khi các bên còn phụ thuộc vào TA và coi thủ tục hủy như một “cấp xét xử bổ sung”. Nguyên nhân chủ yếu gồm: pháp luật chưa hoàn thiện, một số căn cứ hủy còn khái quát; nhận thức và kinh nghiệm của trọng tài viên, thẩm phán còn hạn chế; và chất lượng tố tụng trọng tài chưa đồng đều.

Giai đoạn 2015–2019 đánh dấu sự ổn định hơn của TTTM. Số lượng yêu cầu hủy giảm dần và tỷ lệ hủy cũng giảm (khoảng 29% năm 2019). TA bắt đầu áp dụng chặt chẽ hơn các căn cứ hủy, nhấn mạnh nguyên tắc không xét lại nội dung tranh chấp. Đồng thời, chất lượng phán quyết được nâng cao, các bên cũng thận trọng hơn khi yêu cầu hủy. Xu hướng này cho thấy sự chuyển dịch từ can thiệp mạnh sang can thiệp có kiểm soát, tiệm cận tình

thần của Luật Mẫu UNCITRAL.

Từ 2020–2025, xu hướng hạn chế can thiệp của TA ngày càng rõ rệt. Tỷ lệ huỷ giảm còn khoảng 20% (9/53 vụ giai đoạn 2017–2024), thậm chí thấp hơn trong một số thời điểm gần đây. TA khẳng định thủ tục huỷ chỉ là cơ chế “hậu kiểm” giới hạn, không phải xét xử lại. Các căn cứ huỷ, đặc biệt là “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”, được diễn giải chặt chẽ hơn. Đồng thời, việc chuyên môn hoá xét xử (tập trung thẩm quyền tại các TA lớn) góp phần nâng cao tính thống nhất và chất lượng quyết định.

Về đặc điểm chung, chủ thể yêu cầu huỷ chủ yếu là bên thua kiện nhằm trì hoãn hoặc vô hiệu hoá phán quyết. Các tranh chấp thường có giá trị lớn, phức tạp như xây dựng, thương mại quốc tế, tín dụng. Các căn cứ huỷ phổ biến gồm vi phạm thủ tục, vượt thẩm quyền và đặc biệt là “nguyên tắc cơ bản”, dù căn cứ này đang dần bị thu hẹp trong áp dụng.

So với quốc tế, tỷ lệ huỷ PQT tại Việt Nam dao động từ khoảng 2% đến hơn 18–20% tùy giai đoạn và phạm vi thống kê, nhìn chung vẫn cao hơn mức phổ biến của các nước phát triển. Nguyên nhân chủ yếu nằm ở cách diễn giải pháp luật chưa thống nhất và năng lực áp dụng còn chênh lệch. Tuy nhiên, xu hướng gần đây cho thấy Việt Nam đang dần tiệm cận chuẩn mực quốc tế, chuyển từ “kiểm soát chặt” sang “giám sát có giới hạn”, qua đó củng cố tính chung thẩm và độ tin cậy của TTTM.

3.2.2. Thực tiễn áp dụng các căn cứ huỷ phán quyết trọng tài

Theo khoản 2 Điều 68 Luật TTTM, vi phạm thủ tục tố tụng chỉ là căn cứ huỷ PQT khi mang tính nghiêm trọng và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên. Nguyên tắc chung là TA không can thiệp vào nội dung tranh chấp, mà chỉ kiểm soát tính hợp pháp của tố tụng. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc xác định “vi phạm nghiêm trọng” còn thiếu thống nhất.

Các vi phạm thường được TA xem xét tập trung vào ba nhóm chính. Thứ nhất, vi phạm về thành phần hội đồng trọng tài như chỉ định sai trọng tài viên, thành lập hội đồng không đúng quy định hoặc không bảo đảm tính độc lập, khách quan. Đây là vi phạm nghiêm trọng vì ảnh hưởng trực tiếp đến tính hợp pháp của phán quyết. Thứ hai, vi phạm quyền tranh tụng của các bên, bao gồm việc không tạo điều kiện trình bày ý kiến, không triệu tập hợp lệ hoặc xét xử vắng mặt không đúng quy định. Thứ ba, vi phạm về hình thức và trình tự ban hành phán quyết như quá thời hạn, thiếu chữ ký hoặc thiếu lập luận cần thiết.

Bên cạnh đó, căn cứ “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” là vấn đề gây nhiều tranh cãi. Về lý luận, đây tương đương khái niệm “trật tự công cộng” trong pháp luật quốc tế và cần được hiểu theo hướng hẹp. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, TA lại áp dụng theo hướng rộng, đồng nhất với sai sót trong áp dụng pháp luật, dẫn đến nguy cơ xét lại nội dung tranh chấp.

Thực tiễn cũng ghi nhận một số trường hợp TA có dấu hiệu vượt quá phạm vi kiểm soát, như phân tích lại quan hệ pháp lý, đánh giá lại chứng cứ hoặc nhận định việc áp dụng pháp luật nội dung. Điều này làm mờ ranh giới giữa huỷ PQTT và xét xử lại vụ việc.

Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu tiêu chí rõ ràng, nhận thức chưa thống nhất và thiếu hướng dẫn áp dụng. Hệ quả là làm suy giảm tính chung thẩm của trọng tài, ảnh hưởng đến niềm tin của doanh nghiệp và cản trở sự phát triển của cơ chế TTTM tại Việt Nam.

3.2.3. Án lệ và quyết định giám đốc thẩm liên quan đến huỷ phán quyết trọng tài

Trong bối cảnh Luật TTTM quy định các căn cứ huỷ PQTT theo hướng khái quát, án lệ và các quyết định giám đốc thẩm của TANDTC giữ vai trò quan trọng trong việc cụ thể hoá và định hướng áp dụng pháp luật.

Trước hết, các quyết định này giúp làm rõ nội hàm Điều 68 Luật TTTM, đặc biệt với các khái niệm trừu tượng như “vi phạm nghiêm trọng thủ tục” hay “trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Qua đó, xác định ngưỡng vi phạm đủ để huỷ PQTT, phân biệt giữa sai sót hình thức và vi phạm ảnh hưởng thực chất đến quyền của các bên, đồng thời hạn chế việc lạm dụng căn cứ để xét lại nội dung tranh chấp.

Thứ hai, các quyết định giám đốc thẩm góp phần định hình ranh giới giữa quyền kiểm soát của TA và tính chung thẩm của trọng tài, khẳng định nguyên tắc TA không xét lại nội dung vụ việc.

Thứ ba, tạo cơ sở cho sự thống nhất trong xét xử, khắc phục tình trạng áp dụng không đồng đều giữa các TA địa phương.

Nhìn chung, xu hướng tư pháp hiện nay là thu hẹp can thiệp, tiêm cận thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, sự thống nhất vẫn chưa tuyệt đối, đòi hỏi tiếp tục phát triển án lệ và hướng dẫn chính thức để nâng cao tính dự đoán và ổn định pháp lý.

3.2.4. Đánh giá tác động của thực tiễn huỷ phán quyết trọng tài

Thực tiễn TA xem xét yêu cầu huỷ PQTT tại Việt Nam tạo ra các tác động hai chiều đối với sự phát triển của TTTM.

Về tích cực, cơ chế huỷ PQTT đóng vai trò như một “phản hồi tư pháp”, giúp phát hiện và chấn chỉnh các vi phạm về thẩm quyền, thủ tục và nguyên tắc pháp lý. Qua đó, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ của trọng tài viên, bảo đảm quyền tranh tụng của các bên và tăng tính minh bạch, chặt chẽ trong lập luận phán quyết. Đồng thời, thực tiễn xét xử còn giúp làm rõ nội hàm các quy định còn khái quát của Luật TTTM, từng bước hoàn thiện chuẩn mực pháp lý.

Tuy nhiên, cũng tồn tại những tác động tiêu cực. Tỷ lệ huỷ PQTT trong một số giai đoạn tương đối cao làm suy giảm tính chung thẩm và hiệu

quả của trọng tài. Sự thiếu thống nhất giữa các TA khiến kết quả khó dự đoán, đặc biệt gây lo ngại cho nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, việc TA có dấu hiệu xét lại nội dung tranh chấp làm mờ ranh giới giữa trọng tài và xét xử tư pháp.

Nguyên nhân chủ yếu là do quy định pháp luật còn khái quát, thiếu hướng dẫn thống nhất và án lệ chưa đầy đủ.

3.3. Nhận xét, đánh giá chung về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật về huỷ phán quyết trọng tài thương mại ở Việt Nam

3.3.1. Những ưu điểm và kết quả đạt được

Pháp luật Việt Nam về huỷ PQT, đặc biệt tại Điều 68 Luật TTTM được xây dựng theo hướng phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Theo đó, TA chỉ được huỷ PQT trong các trường hợp hạn chế như: vi phạm về tính độc lập của trọng tài viên, sai thành phần hội đồng trọng tài, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc phán quyết trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Cách tiếp cận này tương đồng với Công ước New York 1958 và nguyên tắc “chung thẩm”, khi TA không được xét lại nội dung tranh chấp mà chỉ kiểm soát tính hợp pháp.

Đáng chú ý, căn cứ “trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” có tính mở nhưng được định hướng áp dụng như “trật tự công cộng” trong pháp luật quốc tế, tức chỉ áp dụng trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng.

Thực tiễn xét xử gần đây cho thấy TA ngày càng nhận thức rõ giới hạn can thiệp, chủ yếu xem xét thủ tục và thẩm quyền, thay vì đánh giá lại nội dung vụ việc. Xu hướng này góp phần bảo đảm tính ổn định, chung thẩm của PQT, nâng cao niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư, đồng thời tiệm cận thông lệ quốc tế.

3.3.2. Những hạn chế, bất cập

Trước hết, các quy định của Luật TTTM về căn cứ huỷ PQT còn mang tính khái quát, đặc biệt với các khái niệm như “vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” hay “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Việc thiếu tiêu chí cụ thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các TA tạo ra khoảng trống pháp lý và tăng tính chủ quan trong xét xử.

Hệ quả là các bên khó dự đoán rủi ro pháp lý, không xác định rõ khi nào phán quyết có thể bị huỷ. Điều này làm giảm tính ổn định và hiệu quả của trọng tài, đồng thời tạo điều kiện cho các bên kéo dài tranh chấp thông qua việc yêu cầu huỷ PQT.

Ngoài ra, sự thiếu thống nhất giữa các TA trong đánh giá mức độ vi phạm và thiếu án lệ hướng dẫn càng làm gia tăng tính bất định, đặc biệt trong các tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

Những bất cập này làm suy giảm tính chung thẩm của PQTT, ảnh hưởng đến niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư, đặt ra yêu cầu cần hoàn thiện pháp luật và thống nhất thực tiễn áp dụng.

3.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Thứ nhất, về pháp luật, các căn cứ huỷ như “vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” và “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” còn mang tính khái quát, chưa có tiêu chí cụ thể. Điều này dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các TA làm giảm khả năng dự đoán và ảnh hưởng đến tính ổn định pháp lý.

Thứ hai, từ phía TA nhận thức về giới hạn can thiệp chưa đồng đều; trong một số trường hợp, TA vẫn có xu hướng đánh giá lại nội dung tranh chấp. Bên cạnh đó, năng lực và kinh nghiệm của một bộ phận thẩm phán, đặc biệt trong các vụ việc phức tạp hoặc có yếu tố quốc tế, còn hạn chế.

Thứ ba, từ phía các chủ thể trọng tài, chất lượng và kinh nghiệm của trọng tài viên chưa đồng đều, dễ dẫn đến sai sót tố tụng. Ngoài ra, sự thiếu hợp tác của các bên và việc lợi dụng thủ tục huỷ để kéo dài tranh chấp cũng làm gia tăng yêu cầu huỷ PQTT. Những nguyên nhân này làm giảm hiệu quả và uy tín của cơ chế trọng tài, đòi hỏi cải thiện đồng bộ.

Tiểu kết chương 3

Thực trạng pháp luật và thực tiễn PQTT thương mại tại Việt Nam cho thấy nhiều vấn đề đáng chú ý. Về pháp lý, Luật TTTM đã quy định các căn cứ huỷ PQTT tương đối phù hợp với chuẩn mực quốc tế, nhưng vẫn mang tính khái quát, thiếu hướng dẫn cụ thể. Điều này dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau và nguy cơ áp dụng không thống nhất giữa các TA.

Về thực tiễn, mặc dù TA ngày càng nhận thức rõ giới hạn can thiệp, chủ yếu kiểm tra thủ tục và tính hợp pháp của phán quyết, vẫn tồn tại trường hợp đánh giá lại nội dung tranh chấp hoặc chứng cứ. Bên cạnh đó, năng lực của một số trọng tài viên chưa đồng đều, cùng với việc các bên chưa tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ tố tụng, làm gia tăng nguy cơ PQTT bị huỷ.

Những hạn chế này ảnh hưởng đến tính ổn định, hiệu quả của trọng tài và làm giảm niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật, thống nhất thực tiễn xét xử và nâng cao chất lượng trọng tài, hướng tới một cơ chế giải quyết tranh chấp minh bạch, ổn định và phù hợp thông lệ quốc tế.

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HUỖ PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

4.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về huỷ phán quyết TTMT

4.1.1. Yêu cầu khách quan của việc hoàn thiện pháp luật về huỷ phán quyết TTMT

Việc hoàn thiện pháp luật về huỷ PQTT xuất phát từ ba yêu cầu lớn: bảo đảm tính chung thẩm và sức hấp dẫn của trọng tài, bảo đảm quyền tiếp cận công lý và kiểm soát tư pháp hợp lý, cùng với yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thứ nhất, PQTT mang bản chất chung thẩm, là kết quả cuối cùng do các bên tự nguyện lựa chọn. Cơ chế huỷ chỉ nên là ngoại lệ nhằm kiểm soát tính hợp pháp, không phải xét xử lại. Nếu căn cứ huỷ bị diễn giải rộng, trọng tài dễ bị “tư pháp hoá”, làm giảm tính nhanh chóng, hiệu quả và niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Thứ hai, cơ chế huỷ PQTT cần bảo đảm quyền tiếp cận công lý. Toà án có vai trò kiểm soát tối thiểu nhằm bảo vệ trật tự pháp lý, quyền cơ bản và lợi ích công cộng. Tuy nhiên, sự kiểm soát này phải cân bằng với quyền tự định đoạt của các bên, chỉ can thiệp khi có vi phạm nghiêm trọng về thẩm quyền, thủ tục hoặc nguyên tắc cơ bản.

Thứ ba, trong bối cảnh hội nhập, pháp luật Việt Nam cần tương thích với chuẩn mực quốc tế như Công ước New York 1958 và Luật Mẫu UNCITRAL, đồng thời tiệm cận xu hướng hạn chế huỷ PQTT của các quốc gia phát triển. Áp lực cạnh tranh giữa các trung tâm trọng tài khu vực cũng đòi hỏi Việt Nam xây dựng môi trường pháp lý minh bạch, ổn định, thân thiện với trọng tài, qua đó nâng cao niềm tin và vị thế trên thị trường quốc tế.

4.1.2. Quan điểm định hướng hoàn thiện pháp luật về huỷ phán quyết TTMT

Quan điểm hoàn thiện pháp luật về huỷ phán quyết trọng tài thương mại (PQTT) cần dựa trên bốn định hướng chính.

Thứ nhất, phải tôn trọng tối đa quyền tự định đoạt của các bên và tính độc lập của trọng tài. Trọng tài là cơ chế tài phán tự do các bên lựa chọn, nên phán quyết có giá trị chung thẩm và không bị xét lại nội dung. Toà án chỉ đóng vai trò hỗ trợ và kiểm soát tối thiểu, can thiệp trong những trường hợp thật sự cần thiết.

Thứ hai, cần hạn chế tối đa việc huỷ PQTT vì lý do nội dung. Chỉ những vi phạm thủ tục nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền tố tụng cơ bản hoặc trật tự công mới là căn cứ huỷ. Sai sót trong áp dụng pháp luật hay đánh giá chứng cứ thuộc phạm vi rủi ro mà các bên phải chấp nhận khi chọn trọng tài.

Thứ ba, phải bảo đảm tính minh bạch, khả năng dự đoán trước và sự thống nhất trong áp dụng pháp luật. Điều này đòi hỏi cụ thể hoá các căn cứ huỷ, phát triển án lệ và hướng dẫn áp dụng nhằm hạn chế sự tùy nghi của toà án.

Thứ tư, cần tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Việc “nội địa hoá” các nguyên tắc tiến bộ phải gắn với năng lực thực tiễn của hệ thống toà án, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả khi áp dụng.

4.1.3. Cơ sở xây dựng định hướng hoàn thiện pháp luật về huỷ phán quyết TTTM

Luật TTTM đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho giải quyết tranh chấp ngoài toà án, góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, sau hơn một thập niên áp dụng, luật bộc lộ nhiều hạn chế cả về nội dung và kỹ thuật lập pháp.

Trước hết, phạm vi điều chỉnh chưa rõ ràng, dẫn đến cách hiểu khác nhau về mối quan hệ giữa trọng tài trong nước và nước ngoài, gây khó khăn trong xác định thẩm quyền. Thứ hai, quy định về trọng tài viên còn thiếu cơ chế công nhận và tiêu chí cụ thể, làm giảm tính minh bạch và ảnh hưởng đến chất lượng phán quyết. Thứ ba, pháp luật chưa quy định rõ nội dung bắt buộc của phán quyết trọng tài, khiến một số phán quyết khó thi hành, thậm chí phát sinh yêu cầu huỷ.

Bên cạnh đó, quy định về hòa giải và thỏa thuận trọng tài còn khá quát, thiếu hướng dẫn cụ thể, làm giảm hiệu quả áp dụng trong thực tiễn. Ngoài ra, luật chưa quy định rõ thời hạn giải quyết tranh chấp và tiêu chí áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, dẫn đến nguy cơ kéo dài tố tụng và áp dụng thiếu thống nhất.

Những bất cập này làm giảm tính ổn định, dự đoán được và hiệu quả của TTTM, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện pháp luật theo hướng rõ ràng, minh bạch và phù hợp thực tiễn.

4.2. Quyền yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài thương mại ở Việt Nam

4.2.1. Người có quyền yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài thương mại

Pháp luật hiện hành giới hạn quyền yêu cầu TA hủy PQTТ chỉ thuộc về các bên tranh chấp (nguyên đơn, bị đơn), phản ánh bản chất trọng tài dựa trên thỏa thuận. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy quy định này còn hạn chế khi chưa công nhận quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dù PQTТ có thể ảnh hưởng trực tiếp đến họ. Điều này tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm quyền lợi hợp pháp và làm giảm tính công bằng của cơ chế kiểm soát tư pháp, do đó cần nghiên cứu mở rộng chủ thể có quyền yêu cầu hủy PQTТ.

Bên cạnh đó, Luật TTTM chưa quy định về khả năng các bên thỏa thuận hạn chế hoặc loại trừ quyền yêu cầu hủy PQTТ, trong khi đây là xu hướng được thừa nhận trong thực tiễn quốc tế nhằm tăng tính chung thẩm và tôn trọng quyền tự định đoạt.

Luật cũng đã tiếp thu học thuyết “mất quyền phản đối”, theo đó bên không kịp thời phản đối vi phạm sẽ mất quyền yêu cầu hủy PQTТ. Cơ chế này góp phần ngăn ngừa lạm dụng tố tụng và bảo đảm tính ổn định của phán quyết. Tuy nhiên, để hiệu quả hơn, cần tiếp tục hoàn thiện quy định về chủ thể và phạm vi quyền yêu cầu hủy.

4.2.2. Đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài thương mại

Điều 70 Luật TTTM đã quy định khá cụ thể về nội dung và tài liệu kèm theo đơn yêu cầu hủy PQTТ, nhằm bảo đảm tính xác thực và tạo cơ sở cho TA xem xét khách quan. Tuy nhiên, các quy định này vẫn mang tính khung, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

Thực tế cho thấy cần bổ sung một số nội dung quan trọng như: xác định rõ TA có thẩm quyền; thông tin về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; và yêu cầu về chữ ký, con dấu hợp lệ của chủ thể yêu cầu. Những bổ sung này giúp bảo đảm tính minh bạch, tránh sai sót thủ tục và bảo vệ quyền của các bên liên quan.

Việc hoàn thiện quy định không làm thay đổi bản chất cơ chế hủy PQTТ mà góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, bảo đảm thống nhất với tố tụng dân sự. Đồng thời, quy định về thời hạn 30 ngày mở phiên họp xét đơn thể hiện yêu cầu giải quyết nhanh chóng, nhưng cần được hướng dẫn áp dụng thống nhất để phát huy hiệu quả.

4.3. Căn cứ hủy phán quyết trọng tài thương mại

PQTТ có hiệu lực chung thẩm ngay khi được tuyên và không cần thủ tục công nhận, thể hiện nguyên tắc tôn trọng tính độc lập và hạn chế can thiệp của TA. TA chỉ xem xét hủy PQTТ khi có yêu cầu và trong phạm vi 5 căn cứ luật định: (i) không có hoặc vô hiệu thỏa thuận trọng tài; (ii) sai sót

ng nghiêm trọng về thành phần hội đồng hoặc thủ tục tố tụng; (iii) tranh chấp vượt thẩm quyền; (iv) chứng cứ giả mạo hoặc trọng tài viên thiếu liêm chính; (v) phán quyết trái các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Pháp luật cũng thể hiện cách tiếp cận linh hoạt khi chỉ hủy phần vượt thẩm quyền nếu có thể tách biệt, đồng thời yêu cầu vi phạm thủ tục phải nghiêm trọng mới bị hủy, tránh hình thức hóa. Quy định về thỏa thuận trọng tài được mở rộng, góp phần hạn chế lạm dụng yêu cầu hủy. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn tồn tại xu hướng hủy PQTT do lỗi kỹ thuật hoặc diễn giải rộng khái niệm “nguyên tắc cơ bản”, làm giảm tính ổn định và dự đoán của trọng tài. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện tiêu chí áp dụng nhằm bảo đảm cân bằng giữa kiểm soát tư pháp và tính chung thẩm của PQTT.

4.4. Trình tự, thủ tục hủy phán quyết trọng tài thương mại

4.4.1. Chủ thể có quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài thương mại

Pháp luật hiện hành giới hạn quyền yêu cầu TA hủy PQTT chỉ cho các bên tranh chấp (nguyên đơn, bị đơn), phản ánh bản chất trọng tài dựa trên thỏa thuận và quyền tự định đoạt. Trong 30 ngày từ khi nhận PQTT, bên yêu cầu phải chứng minh căn cứ hủy theo luật, nhằm hạn chế lạm dụng và bảo đảm tính chung thẩm của phán quyết. Trường hợp bất khả kháng, thời gian này được loại trừ khỏi thời hạn.

Quy định này góp phần hạn chế can thiệp tư pháp và bảo vệ tính ổn định của trọng tài. Tuy nhiên, trong thực tiễn có sự tham gia của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, PQTT có thể ảnh hưởng trực tiếp đến họ nhưng họ lại không có quyền yêu cầu hủy. Điều này tạo ra khoảng trống pháp lý, cần được nghiên cứu hoàn thiện để bảo đảm công bằng và quyền tiếp cận công lý.

4.4.2. Đơn và thời hạn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài

Điều 70 Luật TTTM quy định các yêu cầu cơ bản về hình thức, nội dung và tài liệu kèm theo của đơn yêu cầu hủy PQTT gồm thông tin người yêu cầu, yêu cầu và căn cứ, kèm PQTT và thỏa thuận trọng tài hợp lệ. Quy định này nhằm bảo đảm tính xác thực và tạo cơ sở để TA xem xét.

Tuy nhiên, các quy định còn mang tính khung, cần bổ sung: (i) tên TA có thẩm quyền; (ii) thông tin người liên quan; (iii) chữ ký, con dấu hợp lệ để bảo đảm giá trị pháp lý và tính minh bạch. Việc hoàn thiện này giúp thống nhất với pháp luật tố tụng dân sự và nâng cao hiệu quả xét đơn.

Về thủ tục, TA phải mở phiên họp trong 30 ngày, bảo đảm tính nhanh chóng. Tuy nhiên, cần hướng dẫn thống nhất để áp dụng hiệu quả.

Về thời hạn và cách thức nộp đơn, pháp luật còn thiếu rõ ràng. Do đó, cần thống nhất với Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, cho phép nộp đơn trực tiếp, qua bưu chính hoặc điện tử, nhằm tăng tính minh bạch, thuận tiện và đồng bộ.

4.4.3. Chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu hủy phán quyết trọng tài

Luật TTTM quy định nghĩa vụ chứng minh căn cứ hủy phán quyết trọng tài (PQTT) theo hai nhóm. Với các căn cứ tại điểm (a), (b), (c), (d) khoản 2 Điều 68, nghĩa vụ thuộc về bên yêu cầu; họ phải cung cấp chứng cứ chứng minh vi phạm như thỏa thuận trọng tài vô hiệu, sai sót thủ tục, vượt thẩm quyền hoặc gian lận. Cách phân bổ này hợp lý vì chứng cứ chủ yếu do các bên nắm giữ.

Riêng căn cứ PQTT trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, Tòa án (TA) có trách nhiệm chủ động xác minh, do liên quan đến trật tự pháp lý và lợi ích công cộng.

Quy định về tài liệu kèm theo đơn yêu cầu góp phần bảo đảm tính minh bạch, tạo cơ sở để TA xem xét khách quan, đúng pháp luật.

4.5. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hủy phán quyết trọng tài thương mại

4.5.1. Giải pháp hoàn thiện các quy định của Luật TTTM theo hướng đồng bộ, phù hợp với quốc tế

Trước hết, cần làm rõ phạm vi điều chỉnh của luật nhằm thống nhất cách hiểu và áp dụng, đặc biệt trong phân định thẩm quyền giữa trọng tài và TA, qua đó nâng cao tính minh bạch và dự đoán.

Thứ hai, cần bổ sung quy định cụ thể về hòa giải trong tố tụng trọng tài, coi đây là cơ chế song hành hoặc tiền tố tụng, giúp tiết kiệm chi phí và thúc đẩy giải quyết tranh chấp thân thiện.

Thứ ba, cần quy định rõ nội dung tối thiểu của thỏa thuận trọng tài để hạn chế bị tuyên vô hiệu. Đồng thời, hoàn thiện tiêu chuẩn và cơ chế công nhận trọng tài viên nhằm nâng cao chất lượng xét xử.

Bên cạnh đó, cần quy định thời hạn giải quyết tranh chấp để tránh kéo dài tố tụng; làm rõ các hành vi gây bất lợi cho tố tụng để áp dụng biện pháp khẩn cấp thống nhất. Cuối cùng, cần quy định cụ thể hơn về nội dung phán quyết nhằm bảo đảm khả năng thi hành và tăng niềm tin vào trọng tài.

4.5.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định hủy phán quyết trọng tài ở Việt Nam hiện nay phù hợp với chuẩn mực pháp lý quốc tế

Các căn cứ hủy PQTT theo Luật TTTM cần được áp dụng trên cơ sở tôn trọng bản chất đặc thù của tố tụng trọng tài, tránh hai khuynh hướng sai

lầm: xét xử lại nội dung tranh chấp và coi mọi vi phạm đều là căn cứ hủy. Đặc biệt, chế định “mất quyền phản đối” khẳng định rằng nếu một bên biết vi phạm nhưng không phản đối đúng hạn thì không thể viện dẫn làm căn cứ hủy, qua đó bảo đảm tính chung thẩm và ngăn chặn hành vi lợi dụng thủ tục.

Pháp luật cần làm rõ khái niệm “vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng”, chỉ coi là căn cứ hủy khi vi phạm ảnh hưởng thực chất đến quyền tố tụng cơ bản và kết quả giải quyết tranh chấp. Đồng thời, cần cụ thể hóa nội hàm “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”, giới hạn ở các giá trị nền tảng gắn với trật tự công cộng, tránh bị lạm dụng để xét lại nội dung vụ việc.

Định hướng hoàn thiện pháp luật là thu hẹp và chuẩn hóa các căn cứ hủy theo hướng tiệm cận Luật Mẫu UNCITRAL, đồng thời xác định rõ phạm vi kiểm tra của Tòa án chỉ giới hạn ở thẩm quyền và thủ tục, không đánh giá lại chứng cứ hay lập luận pháp lý.

Cần đơn giản hóa thủ tục yêu cầu hủy PQTT, rút ngắn thời hạn giải quyết, nâng cao nghĩa vụ chứng minh của bên yêu cầu và thiết lập cơ chế ngăn chặn việc lạm dụng thủ tục.

4.5.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hủy phán quyết trọng tài thương mại

Hiệu quả áp dụng quy định về hủy PQTT phụ thuộc lớn vào nhận thức và năng lực của TA. Vì vậy, cần tăng cường đào tạo chuyên sâu về pháp luật trọng tài, giúp thẩm phán hiểu rõ tính đặc thù như quyền tự định đoạt của các bên, tính linh hoạt và giới hạn can thiệp tư pháp. Đồng thời, nên xây dựng đội ngũ thẩm phán chuyên trách hoặc bán chuyên trách để bảo đảm tính nhất quán và nâng cao chất lượng xét xử.

Cần phát huy vai trò của án lệ và các văn bản hướng dẫn nhằm thống nhất cách hiểu và áp dụng pháp luật, đặc biệt đối với các khái niệm còn trừu tượng như “vi phạm thủ tục nghiêm trọng” hay “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Án lệ sẽ giúp định hình chuẩn mực xét xử và tăng tính dự đoán cho các bên.

Ngoài ra, việc tăng cường đối thoại giữa TA và cộng đồng trọng tài có ý nghĩa quan trọng trong việc thu hẹp khác biệt nhận thức. Thông qua hội thảo, đào tạo và trao đổi chuyên môn, hai bên có thể hình thành cách tiếp cận thống nhất, qua đó bảo đảm cơ chế hủy PQTT được áp dụng đúng bản chất: ngoại lệ, kiểm soát tối thiểu và tôn trọng tính chung thẩm của trọng tài.

4.5.4. Giải pháp từ phía các chủ thể tham gia trọng tài thương mại

Nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm trọng tài là một trong những vấn đề then chốt trong việc hạn chế nguy cơ PQTT bị hủy. Trước hết, cần hoàn thiện quy tắc tổ tụng theo hướng rõ ràng, minh bạch và tiệm cận chuẩn mực quốc tế, bảo đảm các nguyên tắc cốt lõi như quyền được thông báo, quyền trình bày ý kiến và sự bình đẳng giữa các bên. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế kiểm soát chất lượng phán quyết ngay trong nội bộ trung tâm nhằm rà soát hình thức, cấu trúc và tính logic của PQTT, qua đó giảm thiểu sai sót tố tụng.

Việc xây dựng đội ngũ trọng tài viên chất lượng cao là yếu tố quyết định để nâng cao tính thuyết phục và ổn định của PQTT. Cần chuẩn hóa tiêu chuẩn lựa chọn theo hướng chú trọng năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, tính độc lập và liêm chính. Đồng thời, tăng cường đào tạo kỹ năng đánh giá chứng cứ, lập luận và soạn thảo phán quyết.

Cần đề cao đạo đức nghề nghiệp trung tâm trọng tài thông qua các quy tắc ứng xử và cơ chế giám sát minh bạch. Khi các trung tâm vận hành chuyên nghiệp với đội ngũ trọng tài viên có năng lực, uy tín, PQTT sẽ có chất lượng cao hơn, giảm thiểu tranh chấp và yêu cầu hủy.

Tiểu kết chương 4

Đề xuất các định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về hủy PQTT thương mại trên cơ sở phân tích những bất cập trong quy định và thực tiễn tại Việt Nam. Trọng tâm là thu hẹp và cụ thể hóa các căn cứ hủy nhằm hạn chế lạm dụng; xác định rõ phạm vi kiểm tra của TA chỉ giới hạn ở thủ tục và thẩm quyền, không xét lại nội dung tranh chấp; đồng thời cải cách thủ tục yêu cầu hủy theo hướng đơn giản, chặt chẽ và rút ngắn thời gian giải quyết. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực và nhận thức của TA thông qua đào tạo chuyên sâu, phát triển án lệ và tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật, cũng như thúc đẩy đối thoại giữa TA và cộng đồng trọng tài. Ngoài ra, việc nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm trọng tài và đội ngũ trọng tài viên cũng là giải pháp quan trọng.

Các giải pháp này vừa cấp thiết, nhằm khắc phục tình trạng hủy phán quyết còn thiếu thống nhất, vừa khả thi do có thể thực hiện thông qua sửa đổi pháp luật và cải thiện tổ chức. Qua đó, góp phần nâng cao tính ổn định, hiệu lực của PQTT và cải thiện môi trường đầu tư.

KẾT LUẬN

Luận án đã nghiên cứu một cách hệ thống chế định huỷ PQTT thương mại trong pháp luật Việt Nam, đặt trong mối quan hệ với bản chất của trọng tài, nguyên tắc chung thẩm và vai trò kiểm soát tư pháp của TA. Qua đó khẳng định, huỷ phán quyết không phải là phủ nhận trọng tài mà là cơ chế đặc thù nhằm bảo đảm tính hợp pháp, công bằng và chính danh của hoạt động trọng tài.

Luận án ghi nhận những kết quả tích cực của pháp luật Việt Nam khi tiếp cận các chuẩn mực hiện đại, như tôn trọng quyền tự định đoạt và hạn chế can thiệp của TA. Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều bất cập như căn cứ huỷ còn rộng và chưa rõ ràng, cách hiểu thiếu thống nhất về các khái niệm như “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”, cũng như tình trạng TA có xu hướng mở rộng phạm vi xem xét. Những hạn chế này làm gia tăng nguy cơ huỷ phán quyết, ảnh hưởng đến tính ổn định và niềm tin của doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất hoàn thiện pháp luật theo hướng thu hẹp, cụ thể hoá căn cứ huỷ, bảo đảm TA chỉ can thiệp tối thiểu và phù hợp với thông lệ quốc tế như Công ước New York 1958 và Luật Mẫu UNCITRAL. Đồng thời, nhấn mạnh việc nâng cao năng lực thẩm phán và thống nhất áp dụng pháp luật. Những giải pháp này góp phần nâng cao hiệu quả trọng tài, cải thiện môi trường đầu tư và tăng cường uy tín pháp lý của Việt Nam.

DANH MỤC CÁC BÀI BÁO LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Vũ Hoàng (2020), *Hủy phán quyết trọng tài thương mại theo pháp luật Việt Nam và một số kiến nghị*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Số 12 (345), 2020
2. Vũ Hoàng (2025), *Căn cứ hủy phán quyết trọng tài thương mại theo pháp luật Việt Nam và một số kiến nghị*, Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số 9 (148), 2025.
3. Vũ Hoàng (2025), *Hủy phán quyết trọng tài thương mại theo pháp luật Việt Nam - Thực tiễn áp dụng và giải pháp hoàn thiện*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/12/24/huy-phan-quyet-trong-tai-thuong-mai-theo-phap-luat-viet-nam-thuc-tien-ap-dung-va-giai-phap-hoan-thien/>, (31/12/2025)
4. Vũ Hoàng (2026), *Công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài theo cơ chế EVIPA - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/01/14/cong-nhan-va-cho-thi-hanh-phan-quyet-trong-tai-nuoc-ngoai-theo-co-che-evipa-mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ap-dung-tai-viet-nam/>, (14/01/2026)
5. Vũ Hoàng (2026), *Hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam – Đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển trong kỷ nguyên số*, Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số 01 (152), 2026.